

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HS-ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. TRẦN O, sinh năm: 1963 tại tỉnh Th Thiên Huế; nơi cư trú: tổ dân phố 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/10; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần H, sinh năm: 1927 (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm: 1932 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị G, sinh năm: 1963; có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31/03/2021 đến ngày 06/4/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. HUỖNH NG, sinh năm: 1966 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Ch, sinh năm: 1930 (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm: 1933 (đã chết); có vợ là Trần Thị M, sinh năm: 1965; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án: Tại bản án số 30/2019/HSST ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 25.000.000 đồng về tội đánh bạc, nộp tiền phạt vào ngày 23/02/2021; nhân thân: Ngày 17/01/2021, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện G khởi tố bị can về hành vi đánh bạc; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2021. Hiện tạm giam tại Công an huyện G.

3. TRẦN MINH D, sinh năm: 10/02/1992 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Trần Đức Q, sinh năm: 1967 và bà Đào Thị Mỹ H, sinh năm: 1970; có vợ là Đặng Thị D, sinh năm: 1995

(đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2012; hiện đang chung sống như vợ chồng với chị Trần Thị Thảo Ng, sinh năm: 2001 và có 01 con chung sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/03/2021 đến ngày 21/4/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. DƯƠNG VĂN H, sinh năm: 1981 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Dương Vinh, sinh năm: 1951 và bà Phan Thị S, sinh năm: 1956; có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1991 và 02 người con sinh năm 2010 và 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/03/2021 đến ngày 21/4/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. ĐẶNG THANH X, sinh năm: 1981 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn 3, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Thanh V, sinh năm: 1952 và bà Ngô Thị H, sinh năm: 1954; có vợ là Trần Thị Y, sinh năm: 1981 và 03 người con sinh, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2021 đến ngày 21/4/2021. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. LÊ VĂN TH, sinh năm: 1980 tại tỉnh Bình Định; nơi đăng ký thường trú: Thôn Luật Bình, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; nơi hiện cư trú: thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Th, sinh năm: 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1940; có vợ là Hồ Thị S, sinh năm: 1980 và 02 người con sinh, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. có mặt.

7. TRẦN XUÂN L, sinh năm: 1993 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn 5, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Đình H, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1972, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 21/2018/HSST ngày 15/8/2018, bị TAND huyện G xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, được giảm thời gian thử thách 02 tháng 24 ngày, đã chấp hành xong hình phạt từ ngày 22/01/2020; bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2021; hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 31/3/2021 Trần Minh D gọi điện rủ Trần O, Huỳnh Ng, Lê Văn Th và Dương Văn H đến nhà D thuộc thôn 2, xã T, huyện G để chơi đánh bài ăn tiền. Sau đó, H gọi điện cho L rủ đến nhà D đánh bài. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì Trần X L, Đặng Thanh X cũng đến nhà D chơi cùng L và O. Sau đó D đã chuẩn bị hai bộ bài tứ lơ khơ, một chiếu nhựa, một chăn vải để trải và một lọ bột phấn.

Cả nhóm thống nhất cách thức đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì tố như sau: Dùng bộ bài tứ lơ khơ (loại 52 lá bài) chọn các lá 9, 10, J, Q, K, A tổng cộng là 24 lá bài. Sau đó mỗi người chơi sẽ được phát 2 lá bài, đặt úp một lá và ngửa một lá.

Sau đó mỗi người chơi sẽ lần lượt bốc từng lá bài, rồi đặt tiền tố cho lá đầu tiên bốc là 50.000 đồng, tiếp theo sẽ bốc lá bài đang úp ở giữa, sau đó có quyền theo hoặc bỏ, nếu theo thì phải đặt tiền tố từ 100.000 đồng trở lên và cao nhất là 2.000.000 đồng. Đến khi nào bốc đủ 5 lá bài hoặc người còn lại cuối cùng sau khi những người chơi còn lại bỏ thì sẽ dừng lại tính điểm. Thứ tự tính như sau: Cao nhất là tứ quý (tức là bài có 4 lá cùng loại, cùng 9, 10, J, Q, K, hoặc A), tiếp theo là thùng phá sảnh (tức là 5 lá bài liên tiếp đồng chất), tiếp theo là suốt (tức là 5 lá bài liên tiếp không cần đồng chất), tiếp theo là xâu (tức là ba lá bài cùng loại và một đôi); tiếp theo là tứ quân (tức là bài có hai đôi); cuối cùng là một đôi. Người thắng sẽ nhận toàn bộ tiền cược trong ván và đối với những ván tiền cược trên 1.000.000 đồng thì sẽ bỏ ra 50.000 đồng tiền xâu để chủ nhà mua thuốc, mua nước uống. Tất cả thống nhất chơi đánh bài xì tố và phải bỏ ra số tiền chơi ban đầu mỗi người là 2.000.000 đồng.

Lúc này có bốn người chơi chính là L, X, O và Th, còn D nhường cho người khác chơi trước và ngồi thu tiền xâu, nếu thấy bài của ai có thể thắng thì D sẽ theo 50.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ thì có Ng đến và ngồi xem, một lúc sau thì L hết tiền nên Ng vào thay. Đến khoảng 20 giờ thì H đến và xin chung cửa với Ng và thỏa thuận thắng thua gì thì cũng chia đôi. Cả nhóm chơi đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện phát hiện và bắt quả tang O, D, X, H, Ng đang đánh bài xì tố ăn tiền còn L và Th đã bỏ trốn.

Quá trình bắt quả tang đã tạm giữ: Tạm giữ trên chiếu bạc 10.200.000 đồng; 02 bộ bài tứ lơ khơ; 01 chiếu nhựa có hoa văn màu xanh trắng; 01 chăn vải có hoa văn màu đỏ trắng; 01 chai nhựa bên trong chứa bột phấn nhãn hiệu Enchanter; Tạm giữ trên túi áo của Trần O số tiền 8.000.000 đồng, trong túi quần sau số tiền 20.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6303i màu đen bạc; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu xám; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia X2-00 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpad F113 màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu đen.

Ngày 10/5/2021, Lê Văn Th đã ra trình diện khai nhận hành vi của mình. Trần X L bị bắt tạm giam ngày 07/6/2021 về tội đánh bạc.

Tổng số tiền Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ được là 38.200.000 đồng (ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: O mang theo số tiền dùng để đánh bạc là 10.000.000 đồng, X mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, H mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc; Ng mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc; Th mang theo 1.400.000 đồng để đánh bạc; L mang theo 1.800.000 đồng để đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị can dùng để đánh bạc là 18.200.000 đồng (mười tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Quá trình điều tra xác định Trần Minh D là người khởi xướng và chuẩn bị công cụ (bài tứ lơ khơ, chiếu nhựa, tấm vải lót, bột phấn) cho việc đánh bạc. Mục đích D khởi xướng và chuẩn bị công cụ đánh bạc là để hưởng tiền xâu và cùng tham gia đánh bạc ăn tiền. Vào ngày 31/3/2021 D đã thu được số tiền xâu là 400.000 đồng tuy nhiên số tiền này vẫn nằm trên chiếu bạc và D chưa lấy.

Quá trình điều tra xác định số tiền 20.000.000 đồng thu giữ trong túi quần sau của Trần O không liên quan đến việc đánh bạc và cũng không dùng vào việc đánh bạc nên Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tiền trên cho O.

- Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 11/10/2021, VKSND huyện G đã truy tố các bị cáo Trần Minh D, Huỳnh Ng, Đặng Thanh X, Dương Văn H, Trần O, Trần X L, Lê Văn Th về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Ý kiến của đại diện VKSND huyện G tại phiên tòa:

Về tội danh: Đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo D, O, X, Th, H; áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo O; áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Ng, L.

Về tình tiết tăng nặng: Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ng.

Về mức hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Ng từ 08 đến 10 tháng tù; bị cáo L từ 06 đến 08 tháng tù; bị cáo D từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng; bị cáo O từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng; các bị cáo X, Th, H từ 06 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng. Đề nghị phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy dụng cụ để đánh bạc; tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 18.200.000đ và 06 điện thoại di động của các bị cáo D, O, Ng, X, L, Th; trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại.

- Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến phản đối về tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện G, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên tất cả đều hợp pháp và không có ý kiến, khiếu nại.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận đã tham gia thực hiện hành vi đánh xì tố thắng thua bằng tiền và số tiền sử dụng đánh bạc vào ngày 31/3/2021 tại nhà của bị cáo D, tại thôn 2, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai, đúng như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra. Đủ cơ sở xác định hành vi mà cáo trạng truy tố là đúng với hành vi thực tế khách quan mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Bị cáo Trần O mang theo 30.000.000đ là số tiền do khách hàng trả cho gia đình bị cáo chi phí thuê làm tiệc tân gia và trên đường đi về đã mang đến nhà bị cáo D, khi tham gia đánh bạc có sự phân chia số tiền đánh bạc, lấy số tiền 10.000.000đ dùng để đánh bạc cất giữ trên túi áo, số tiền còn lại bỏ trong túi quần sau, do đó lời khai của bị cáo xác định số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là có cơ sở, đồng thời phù hợp với việc đánh giá mối tương quan với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của các bị cáo khác. Không có căn cứ xác định số tiền 20.000.000đ bỏ trong túi quần sau của bị cáo O sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

[4] Các bị cáo Trần Minh D, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Trần X L, Huỳnh Ng, Dương Văn H là những người trực tiếp đánh xì tố thắng thua bằng tiền, đây là hành vi đánh bạc. Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc được xác định là 18.200.000đ.

[5] Xét hành vi đánh bạc không trực tiếp tạo ra của cải vật chất cho xã hội, việc lạm dụng sẽ kích thích lòng tham, lười lao động, dẫn đến những hệ quả xấu cho xã hội, nên thuộc sự kiểm soát, quản lý và phải được sự cho phép của Cơ quan quản lý Nhà nước. Xét các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi đánh bạc của mình là trái pháp luật và đủ năng lực chịu trách nhiệm về hành vi của mình, cố ý thực hiện hành vi, xâm phạm đến trật tự công cộng, nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nên phạm vào “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[6] Bị cáo Huỳnh Ng có tiền án lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chính vì ham muốn thắng thua, háms lợi bất chính, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị xử lý nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, trong đó mức độ nguy hiểm của các bị cáo Trần Minh D là cao hơn các bị cáo khác, mặc dù chưa trực tiếp đánh xì tố nhưng là người khởi xướng, rủ rê người khác đến nhà để cùng đánh bạc. Do đó, mức độ nguy hiểm, vai trò trong hành vi phạm tội là cao nhất, tiếp đến là bị cáo Huỳnh Ng, Trần X L, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Dương Văn H.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Huỳnh Ng không được xem xét áp dụng tình tiết ăn năn hối cải. Các bị cáo Trần Minh D, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Dương Văn H là những người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Minh D hiện là lao động chính của gia đình và hiện đang nuôi con nhỏ bị bệnh, bị cáo Trần O có mẹ là người có công nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo Trần Minh D, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Dương Văn H là những người thực hành tội phạm. Trong đó, bị cáo Trần Minh D là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác tham gia đánh bạc, tuy nhiên xét tính chất đồng phạm giản đơn, là người thực hành tội phạm, không thuộc trường hợp chủ mưu, cầm đầu và là

lao động chính và đang nuôi con còn nhỏ (sinh năm 2021) hiện đang nằm viện để điều trị bệnh tim, phổi. Trên cơ sở xem xét tính chất hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng và điều kiện, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo tác dụng giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, tạo điều kiện hòa nhập với xã hội, lao động, chăm lo cho gia đình.

[10] Đối với bị cáo Huỳnh Ng và bị cáo Trần Văn L là người có nhân thân xấu. Bị cáo Ng có tiền án cũng chính về hành vi đánh bạc và trong thời gian bị khởi tố về hành vi đánh bạc khác lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo L là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án cho hưởng án treo và mới được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với hai bị cáo cần xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo khác, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn để nghiêm trị, cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, thành người tốt.

[11] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa tiếp tục phạm tội.

[12] Về vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền sử dụng đánh bạc 18.200.000đ hiện đang thu giữ. Tịch thu tiêu hủy phương tiện dùng để đánh bạc không có giá trị sử dụng. Tịch thu sung công các điện thoại các bị cáo sử dụng liên lạc để đánh bạc. Đối với điện thoại di động không trực tiếp sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo X.

[13] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh D, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Trần X L, Huỳnh Ng, Dương Văn H phạm “Tội đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Huỳnh Ng 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2021.

Phạt bị cáo Huỳnh Ng 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần X L 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/6/2021.

Phạt bị cáo Trần X L 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

1.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần Minh D 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Trần Minh D 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Minh D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Minh D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Trần O 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Trần O 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần O cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần O cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Đặng Thanh X 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Đặng Thanh X 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Đặng Thanh X cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đặng Thanh X cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Lê Văn Th 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo Lê Văn Th 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn Th cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Dương Văn H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Phạt bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Dương Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Dương Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu nhựa, 01 chăn vải, 01 chai nhựa.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 18.200.000đ (mười tám triệu hai trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 150 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Coolpad model F113 màu xanh đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 6303i màu bạc đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model X2-00 màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thanh X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 105, màu đen.

Vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G ngày 22/10/2021.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, mỗi bị cáo Trần Minh D, Trần O, Đặng Thanh X, Lê Văn Th, Trần X L, Huỳnh Ng, Dương Văn H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

- Chi cục THA dân sự huyện G;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

Nguyễn Văn Huy